TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84 /2023/DS-PT
Ngày: 28 / 02 /2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Nhàn**

Các Thẩm phán: Ông **Trương Vĩnh Hữu**

Bà **Lê Thị Hồng Tâm**

- Thư ký phiên toà: Ông **Võ Tấn Dũ** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Thắm** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 và 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 414/2022/TLPT-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp "hợp đồng góp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 153/2022/DS-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 489 /2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn*****:** Lê Thị T, sinh năm 1960

Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. ***Bị đơn*****:**

2.1 Bà Từ Thị H, sinh năm 1958.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Minh T1 sinh năm 1964.

Địa chỉ: Tổ C, ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2.2 Ông Nguyễn Hùng D, sinh năm 1958;

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Từ Thị H, ông Nguyễn Hùng D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà*** Lê Thị T ***trình bày:***

Bà có tham gia chơi hụi do bà H, ông D làm chủ thảo như sau:

- Dây hụi thứ 01: (ký hiệu 11D): Hụi có lãi giá 1.000.000đồng, khui ngày 10/5/2017 (âm lịch), mỗi tháng khui 01 lần, bà tham gia 01 phần, tiền hoa hồng cho chủ thảo mỗi lần hụi viên hốt hụi là 500.000 đồng. Dây hụi này bà góp được 18 lần hụi sống, thì bà H, ông D tuyên bố ngưng hụi với lý do ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19, các hụi viên hốt hụi không đóng tiền hụi, bà không có tiền choàng hụi cho các hụi viên không đóng hụi. Theo thỏa thuận, sau khi trừ tiền hoa hồng cho chủ thảo dây hụi này bà H, ông D còn nợ lại số tiền góp hụi và tiền lãi là 17.500.000 đồng.

- Dây hụi thứ 02: (ký hiệu 23D): Hụi có lãi giá 1.000.000 đồng, khui ngày 12/5/2018 (âm lịch), một năm khui 03 lần, bà tham gia 01 phần, tiền hoa hồng cho chủ thảo mỗi lần hụi viên hốt hụi là 500.000 đồng, dây hụi này bà góp được 14 lần hụi sống, thì bà H, ông D tuyên bố ngưng hụi. Theo thỏa thuận, sau khi trừ tiền hoa hồng cho chủ thảo dây hụi này bà H, ông D còn nợ lại số tiền góp hụi và tiền lãi là 13.500.000 đồng.

- Dây hụi thứ 03: (ký hiệu 21D): Hụi có lãi giá 500.000 đồng, một tháng khui 01 lần, bà tham gia 01 phần, tiền hoa hồng cho chủ thảo mỗi lần hụi viên hốt hụi là 200.000 đồng, dây hụi này bà góp được 14 lần hụi sống, thì bà H, ông D tuyên bố ngưng hụi. Theo thỏa thuận, sau khi trừ tiền hoa hồng cho chủ thảo dây hụi này bà H, ông D còn nợ lại số tiền góp hụi và tiền lãi là 6.800.000 đồng.

Tổng cộng 03 dây hụi bà H, ông D còn nợ bà số tiền 37.800.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà H, ông D phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

**** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà*** Từ Thị H ***trình bày:***

Thừa nhận bà **Lê Thị T** có tham gia góp hụi do bà và chồng là ông **D** làm chủ thảo. Lời trình bày của bà **T** về số dây hụi và số lần góp hụi là đúng sự thật. Bà **T** đã góp vốn tiền của dây hụi ký hiệu 11D là 9.420.000 đồng, của dây hụi ký hiệu 23D là 7.270.000 đồng và của dây hụi ký hiệu 21D là 4.440.000 đồng. Tổng cộng là 21.130.000 đồng.

Bà **H** thừa nhận để tạo lòng tin cho các hụi viên khi rủ họ tham gia chơi các dây hụi do bà làm chủ thảo, bà có thỏa thuận: "Hụi có lãi (góp hụi sống được tiền hụi chết), bà cam kết chịu trách nhiệm đi gom tiền của các hụi viên chưa hốt hụi (hụi sống) và choàng tiền hụi cho các hụi viên chậm góp hụi (hụi chết) nếu những người này chậm thực hiện nghĩa vụ đóng hụi để giao tiền cho hụi viên hốt hụi và

nhận tiền hoa hồng của dây hụi theo thỏa thuận" nhưng đến nay không thực hiện được cam kết này là do một phần ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19, quá nhiều các hụi viên đã hốt hụi không góp lại tiền hụi chết theo thỏa thuận nên bà không còn khả năng choàng hụi, dẫn đến phải ngưng hụi nên vợ chồng bà xin trả lại số tiền vốn bà **T** đã góp hụi là 21.130.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đết khi hết nợ.

**** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông* Nguyễn Hùng D *trình bày:***

Thống nhất lời trình bày của bà **H**, thừa nhận vợ chồng ông, bà còn nợ bà **T** số tiền góp hụi là 21.130.000 đồng. Ông đồng ý củng bà **H** trả cho bà **T** số tiền đã góp hụi là 21.130.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bản án dân sự sơ thẩm số 153/2022/DS-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 226, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, 288, 471 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

1. Buộc bà Từ Thị H và ông Nguyễn Hùng D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị T số tiền 37.800.000 đồng, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H, ông D chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Miễn án phí cho bà H, ông D.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/9/2022, bà Từ Thị H và ông Nguyễn Hùng D có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử sửa án sơ thẩm, đồng ý liên đới trả cho bà T số tiền vốn góp hụi là 21.130.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội qui phòng xử án và thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng pháp luật.

Về nội dung : Nhận thấy, đơn kháng cáo của bà H, ông D nộp trong thời hạn luật định nên được xem xét.

Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến tranh luận tại phiên tòa (có bài phát biểu), Kiểm sát viên có ý kiến như sau: Bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Từ Thị H và ông Nguyễn Hùng D. Giữ bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kháng cáo của nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét bị đơn Nguyễn Hùng D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo quy định pháp luật.

[2] Xét đơn kháng cáo của bà Từ Thị H, ông Nguyễn Hùng D nộp trong thời hạn, đúng với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "tranh chấp hợp đồng góp hụi" là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Từ Thị H, ông Nguyễn Hùng D: yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T, bà Từ Thị H và ông Nguyễn Hùng D đồng ý liên đới trả cho bà T số tiền vốn góp hụi là 21.130.000đồng, xét thấy:

Xét các bên đương sự đều thừa nhận: Bà **T** có tham gia góp hụi do ông bà **H**, ông **D** làm chủ thảo; số dây hụi và số lần bà **T** góp hụi là đúng sự thật; Khi thỏa thuận góp hụi thống nhất "Hụi có lãi (góp hụi sống được tiền hụi chết), chủ thảo cam kết chịu trách nhiệm đi gom tiền của các hụi viên chưa hốt hụi (hụi sống) và hụi viên đã hốt hụi (hụi chết), choàng tiền hụi cho các hụi viên chậm góp hụi (hụi chết) nếu những người này chậm thực hiện nghĩa vụ đóng hụi để giao tiền cho hụi viên hốt hụi và nhận tiền hoa hồng của dây hụi". Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định tình tiết nêu trên là có thật.

Xét khi giao kết hợp đồng góp hụi, bà H, ông D cam kết chịu trách nhiệm đi gom tiền của các hụi viên chưa hốt hụi (hụi sống) và hụi viên đã hốt hụi (hụi

chết), choàng tiền hụi cho các hụi viên chậm góp hụi (hụi chết) nếu những người này chậm thực hiện nghĩa vụ đóng hụi để giao tiền cho hụi viên hốt hụi và nhận tiền hoa hồng. Như vậy, bà H và ông D có nghĩa vụ phải góp của hụi viên đã hốt hụi (cả vốn và lãi) để giao lại cho các hụi viên chưa hốt hụi. Tuy nhiên, ông bà không thực hiện đúng cam kết này dẫn đến phải ngưng hụi là vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận nêu trên. Nguyên nhân dẫn đến tranh chấp hoàn toàn do lỗi của bà H, ông D không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả lại tiền góp hụi và tiền lãi cho hụi viên theo đúng thỏa thuận.

Xét tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà **H** không xác định được số tiền vốn bà **T** góp hụi từng kỳ cho bà bà **H**, ông **D** là bao nhiêu. Do vậy căn cứ theo giấy hụi, HĐXX xác định số tiền vốn góp hụi tính tổng cộng các dây hụi là 27.200.000đồng.

Xét số tiền lãi hụi theo yêu cầu của nguyên đơn là thấp hơn lãi suất quy định pháp luật tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Do vậy, Căn cứ Điều 280, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường, Hội đồng xét xử sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ, có lợi cho bà H, ông D.

Xét ý kiến người đại diện bà H cho rằng sau khi ngưng hụi, các bên đã thống nhất thỏa thuận ông bà chỉ có nghĩa vụ trả lại phần tiền vốn góp cho các hụi viên. Nội dung này bà T không thừa nhận nhưng bà H, ông D không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Do vậy ông bà kháng cáo chỉ đồng ý trả lại số tiền vốn đã góp hụi cho bà T là 21.130.000 đồng là không phù hợp.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, ông D.

[5] Về án phí: Bà H, ông D kháng cáo không được HĐXX chấp nhận nên phải chịu án phí DSPT theo quy định. Tuy nhiên ông bà là người cao tuổi và có đơn miễn án phí nên được HĐXX chấp nhận miễn án phí DSPT.

[6] Xét ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 148, Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Từ Thị H và ông Nguyễn Hùng D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 153/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, Điều 226, 227, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, 288, 471 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ,

hụi, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

1. Buộc bà Từ Thị H và ông Nguyễn Hùng D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị T số tiền 37.800.000 đồng, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H, ông D chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho Từ Thị H và ông Nguyễn Hùng D.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND H. Cai Lậy TG;
- CCTHADS H. Cai Lậy, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Nhàn